

# LỒNG GHÉP YẾU TỐ VĂN HÓA TRONG GIẢNG DẠY TIẾNG ANH

PHAN THỊ THANH TÂM  
Trường Đại học Lao động - Xã hội

Nhận bài ngày 05/5/2023. Sửa chữa xong 09/5/2023. Duyệt đăng 13/5/2023.

## Abstract

*In modern foreign language teaching methods, the introduction of socio-cultural factors into the teaching content is increasingly focused, because language is a part of culture and cannot be separated from social and cultural life. Within the framework of the article, the author refers to the concept and some contents of socio-cultural factors in foreign language teaching, thereby, giving suggestions on how to bring this element into teaching.*

**Keywords:** Socio-cultural factors, languages, language teaching, inter-cultural communication.

## 1. Đặt vấn đề

Ngày nay, tiếng Anh được sử dụng ở hầu hết mọi lĩnh vực trong cuộc sống. Chính vì vậy, dạy Tiếng Anh trong thời kỳ toàn cầu hóa không chỉ đơn thuần dạy về kiến thức ngôn ngữ như từ vựng, cấu trúc câu và ngữ pháp hay các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết mà phải hướng tới rèn luyện năng lực giao tiếp hiệu quả, đặc biệt là khả năng giao tiếp ở những nền văn hóa khác nhau. Hay nói cách khác, việc hiểu biết những yếu tố văn hóa này giúp người giao tiếp cũng như người dạy và người học tiếp thu được ngoại ngữ một cách có hiệu quả bởi nghĩa của một từ, nội dung lời thoại của bất kỳ ngôn ngữ nào cũng có thể thay đổi theo ngữ cảnh. Sự cảm nhận ngôn ngữ không chỉ dừng lại ở chỗ biết nghĩa, biết nội dung chứa đựng trong các từ ngữ mà quan trọng hơn là nắm được ý nghĩa sâu xa của những nội dung thông tin ấy. Có thể nói rằng việc học ngoại ngữ bao gồm nhiều yếu tố như hiểu biết ngữ pháp, năng lực giao tiếp, cũng như thái độ và nhận thức đối với văn hóa bản ngữ và văn hóa nước ngoài. Do đó, trong những năm gần đây, nhiều giáo viên ngoại ngữ đã nhận thức về tầm quan trọng của các yếu tố văn hóa, giao văn hóa trong giảng dạy ngôn ngữ.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Khái quát về văn hóa, giao tiếp văn hóa

Văn hóa được xem như niềm tin chung và cách ứng xử chung được quy ước trong xã hội. Tuy vậy, khái niệm văn hóa trong mỗi quốc gia, mỗi vùng miền hay mỗi cá nhân là khác nhau.

Theo E.B. Tylor, "Văn hóa hay văn minh, theo nghĩa rộng về tộc người học, nói chung gồm có tri thức, tín ngưỡng, nghệ thuật, đạo đức, luật pháp, tập quán và một số năng lực và thói quen khác được con người chiếm lĩnh với tư cách một thành viên của xã hội" [1]. Theo định nghĩa này thì văn hóa và văn minh là một; nó bao gồm tất cả những lĩnh vực liên quan đến đời sống con người, từ tri thức, tín ngưỡng đến nghệ thuật, đạo đức, pháp luật... Có người ví, định nghĩa này mang tính "bách khoa toàn thư" vì đã liệt kê hết mọi lĩnh vực sáng tạo của con người.

Hồ Chí Minh cho rằng "Vi lễ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặt ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo

Email: phantamlxh@gmail.com

và phát minh đó tức là văn hóa” [3]. Với cách hiểu này, văn hóa sẽ bao gồm toàn bộ những gì do con người sáng tạo và phát minh ra. Cũng giống như định nghĩa của Tylor, văn hóa theo cách nói của Hồ Chí Minh sẽ là một “bách khoa toàn thư” về những lĩnh vực liên quan đến đời sống con người.

Theo UNESCO (1994), văn hóa được hiểu theo hai nghĩa: nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Theo nghĩa rộng thì “Văn hóa là một phức hệ- tổng hợp các đặc trưng diện mạo về tinh thần, vật chất, tri thức và tình cảm... khắc họa nên bản sắc của một cộng đồng gia đình, xóm làng, vùng, miền, quốc gia, xã hội... Văn hóa không chỉ bao gồm nghệ thuật, văn chương mà còn cả lối sống, những quyển cơ bản của con người, những hệ thống giá trị, những truyền thống, tín ngưỡng...”; còn hiểu theo nghĩa hẹp thì “Văn hóa là tổng thể những hệ thống biểu trưng (ký hiệu) chi phối cách ứng xử và giao tiếp trong cộng đồng, khiến cộng đồng đó có đặc thù riêng” ...

Nhìn chung, các định nghĩa về văn hóa hiện nay rất đa dạng. Mỗi định nghĩa đề cập đến những dạng thức hoặc những lĩnh vực khác nhau trong văn hóa. Như định nghĩa của Tylor và của Hồ Chí Minh thì xem văn hóa là tập hợp những thành tựu mà con người đạt được trong quá trình tồn tại và phát triển, từ tri thức, tôn giáo, đạo đức, ngôn ngữ,... đến âm nhạc, pháp luật... Còn định nghĩa của tổ chức UNESCO... thì xem tất cả những lĩnh vực đạt được của con người trong cuộc sống là văn hóa.

### **2.2. Mối liên hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa**

Mục đích của dạy học ngoại ngữ là dạy cho người học năng lực sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp với người bản ngữ. Ngôn ngữ không chỉ là hệ thống ký hiệu đặc biệt, là phương tiện giao tiếp, phương tiện biểu đạt tư duy của con người, mà còn là một hình thức văn hóa lâu đời của mỗi dân tộc. Ngôn ngữ và văn hoá luôn luôn gắn bó chặt chẽ với nhau. Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất, lưu giữ và phản ánh bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc. Sự biến đổi và phát triển ngôn ngữ luôn luôn đi song song với biến đổi và phát triển văn hóa. Ngôn ngữ là phương tiện lưu trữ và chuyên chở văn hóa. Ngôn ngữ là tiền đề tạo ra văn hóa và văn hóa là tiền đề giúp cho sự phát triển của ngôn ngữ. Khi chúng ta tương tác với một ngôn ngữ khác, điều đó cũng chính là chúng ta cũng đang tương tác với một nền văn hóa khác. Từ đó nảy sinh mối quan hệ gắn bó hữu cơ giữa ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp liên văn hóa. Do đó, trong giảng dạy ngoại ngữ, muốn người học có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ như một phương tiện giao tiếp, thì người dạy cần phải truyền đạt những kiến thức về văn hóa xã hội của người bản ngữ, từ đó hình thành năng lực giao tiếp liên văn hóa (Cross- Cultural Communication).

### **2.3. Yếu tố văn hóa xã hội trong giảng dạy ngoại ngữ**

Phương pháp giảng dạy ngoại ngữ sử dụng yếu tố văn hóa xã hội là sự kết hợp giao thoa giữa ngôn ngữ và văn hóa. Theo Từ điển giải nghĩa Ozhegov, ngôn ngữ được định nghĩa là “công cụ giao tiếp, trao đổi suy nghĩ và hiểu biết lẫn nhau của mọi người trong xã hội”. Ngày nay, ngôn ngữ “không chỉ là từ vựng, mà còn là cách để một người thể hiện bản thân”, ngôn ngữ được hiểu là một “hệ thống giao tiếp”, và một tập hợp các quy tắc được sử dụng cho mục đích giao tiếp. Điều cốt lõi trong giao tiếp giữa mọi người là mong muốn hiểu nhau của họ. Mỗi nền văn hóa được hình thành phù hợp với các tính năng cơ bản của nó, một trong số đó là ngôn ngữ. Sự học hỏi hiểu biết ngôn ngữ song hành với văn hóa, tư tưởng, phong tục, truyền thống... của một quốc gia, một dân tộc.

Để thành thạo một ngoại ngữ, cần phải nhận thức rằng, một người nói tiếng nước ngoài bản ngữ chính là một chủ thể đại diện cho nền văn hóa đó, cần phải học cách giao tiếp với anh ta theo định dạng văn hóa và chuẩn mực giao tiếp được chấp nhận trong nền văn hóa đó, và đó là cách chúng ta làm chủ giao tiếp liên văn hóa.

Giao tiếp giữa các nền văn hóa là một quá trình giao tiếp bằng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, giữa những người sử dụng các ngôn ngữ và nền văn hóa khác nhau, do vậy, chỉ có kiến thức về ngôn ngữ là chưa đủ, cần phải nắm được, hiểu được phong văn hóa, và các kiến thức về cuộc sống xã hội của người bản ngữ.

Khi học ngoại ngữ, chúng ta không chỉ học ngôn ngữ, mà còn làm quen với các giá trị văn hóa, học cách hiểu đất nước, con người, những nét đặc trưng, riêng biệt của xã hội, nơi sử dụng ngôn ngữ

đó, đúng như quan điểm: học thêm một ngoại ngữ, là sống thêm một cuộc đời. Nếu không có kiến thức về các giá trị của đất nước, văn học, truyền thống và phong tục tập quán, người học sẽ khó cảm nhận được ngôn ngữ đang học và sử dụng ngôn ngữ đó như một phương tiện giao tiếp. Để hiểu nhau, khi giao tiếp với người bản ngữ, người học cần nắm được hệ thống quy tắc ứng xử lời nói, nghi thức lời nói, là một bộ phận cấu thành của giao tiếp có văn hóa. Việc có được các kiến thức xã giao tạo ra sự tin tưởng và tôn trọng, cho phép người học cảm thấy tự tin và thoải mái, không bị hiểu lầm và khó khăn trong giao tiếp. Người học không chỉ cần biết cách diễn đạt ngôn ngữ, họ còn phải hiểu đối tác giao tiếp của họ muốn diễn đạt điều gì, thông tin mà anh ta muốn truyền đạt, ý nghĩa của điều đã nói.

#### 2.4. Sự cần thiết phải lồng ghép yếu tố giao văn hóa trong giảng dạy ngoại ngữ

Quá trình giao tiếp bao gồm hai yếu tố: truyền thông tin và phân tích thông tin. Để truyền thông tin, con người sử dụng ngôn ngữ qua con đường giao tiếp bằng lời (verbal communication) hoặc phi lời (non-verbal communication) [2]. Tuy nhiên, để phân tích thông tin, ta cần giải mã các ký hiệu đó để đạt mục đích cuối cùng là hiểu thông tin theo đúng nghĩa nó được truyền đi. Cả hai quá trình này đều liên quan đến văn hóa. Khi người nghe không hiểu văn hóa của người nói thì người nghe sẽ giải mã thông tin theo văn hóa của chính anh ta. Nếu nội dung thông tin ở hai nền khác văn hóa được hiểu khác nhau, quá trình giao tiếp coi như thất bại. Ví dụ trong nền văn hóa Âu Mỹ thiên về *ngữ cảnh văn hóa khép kín* (low-context culture) [1], nội dung giao tiếp thường được diễn đạt trực tiếp bằng lời nói, hàm ý được biểu lộ công khai, trong khi đó hầu hết các nền văn hóa châu Á với *ngữ cảnh văn hóa mở/cộng đồng* (high-context culture), hàm ý thường được diễn đạt một cách uyển chuyển, gián tiếp, nhiều khi người nghe phải dựa cả vào ngôn ngữ và bối cảnh văn hóa để đoán ý người nói [2]. Khi một người đàn ông Mỹ muốn khen một cô gái đẹp, anh ta có thể nói: *"You look so sexy in that shirt!"* Tuy nhiên, trong văn hóa Việt Nam, cùng câu nói này có thể bị cho là khiếm nhã vì văn hóa truyền thống Á Đông luôn coi trọng sự kín đáo, thanh cao của người phụ nữ.

Trong thực tế, việc dạy học kết hợp các yếu tố giao văn hóa không phải là một vấn đề đơn giản. Nhiều nhà giáo dục học, ngôn ngữ học đã dày công nghiên cứu để tìm ra các cách tiếp cận văn hóa, giao văn hóa phù hợp nhất trong việc giảng dạy ngoại ngữ. Theo Risager (1998), có bốn cách tiếp cận văn hóa: tiếp cận liên văn hóa, đa văn hóa, xuyên văn hóa và văn hóa nước ngoài. Trong đó, cách tiếp cận liên văn hóa và đa văn hóa bao gồm các yếu tố so sánh, đối chiếu; cách tiếp cận xuyên văn hóa thì coi văn hóa nước ngoài như là một văn hóa quốc tế; cách tiếp cận cuối cùng chỉ tập trung vào văn hóa của đất nước có ngôn ngữ được giảng dạy.

Trước hết, các yếu tố giao văn hóa cần được nhận thức để đan xen trong bài học càng sớm càng tốt. Ví dụ, trong bài học đầu tiên, thông thường sinh viên sẽ học cách chào hỏi. Giáo viên nên giải thích, minh họa cho sinh viên thấy những nét khác nhau trong văn hóa chào hỏi của người Việt Nam và người Anh. Người Việt Nam có thói quen hỏi về công việc để chào hỏi (*"Bác đang làm gì đấy?/ Có đi chợ à?/ Chị ăn cơm chưa?..."*) trong khi người nước ngoài thường chỉ nói *"Xin chào"*.

Yếu tố văn hóa cũng có thể được lồng ghép khi giảng dạy các hiện tượng ngữ pháp. Chẳng hạn như sự khác nhau về vị trí tương đối trong không gian trong tiếng Việt và tiếng Anh được thể hiện trong cách sử dụng giới từ chỉ vị trí ở cả hai ngôn ngữ [3]. Trong tiếng Anh, khi sử dụng giới từ chỉ vị trí (prepositions of position), giới từ chỉ sự tương quan vị trí giữa hai sự vật được nhắc đến trong câu. Chẳng hạn như cách sử dụng giới từ *in* trong câu *The bird is flying in the sky* (chim bay trên trời). Giới từ *in* trong tiếng Anh được dùng để chỉ một sự vật nằm trong phạm vi của một sự vật khác (the bird-the sky). Trong tiếng Việt, khi sử dụng giới từ sẽ phụ thuộc vào vị trí tương đối của người nói và vật được nhắc đến trong câu (người nói và con chim ở phía trên anh ta).

Những ví dụ nêu trên chỉ là một minh chứng chứng tỏ cho sự khác nhau giữa các yếu tố văn hóa và giao thoa văn hóa. Học ngoại ngữ là một loại hình lao động mang một hàm lượng quan trọng các yếu tố văn hóa-xã hội. Khi học, thực hành giao tiếp bằng một ngôn ngữ mới, những thói quen mang dấu ấn văn hoá đã trở thành một bản tính thứ hai của người học có thể tạo thuận lợi hoặc gây

trở ngại cho quá trình học tập và thực hành giao tiếp. Đối với người Á Đông nói chung và người Việt nói riêng, việc học một ngoại ngữ phương Tây, những khó khăn không những chỉ nảy sinh từ những khác biệt về các yếu tố ngôn ngữ, phi ngôn ngữ mà còn từ những phong cách sử dụng ngôn ngữ, chiến lược tiếp cận và cung cấp thông tin, phương pháp lập luận... [3].

Do vậy, ngoài năng lực ngôn ngữ, kiến thức văn hóa đất nước học được xem như là phẩm chất cần có, người dạy ngoại ngữ cần có hiểu biết tối thiểu về nền văn hóa của người học, đặc biệt những hiểu biết liên quan đến phong cách giao tiếp của người học. Sự hiểu biết này giúp người dạy nhận ra những trở ngại của người học, biết chấp nhận những e ngại, những lúng túng của người học, biết tôn trọng nhịp độ, thói quen học tập của người học để điều chỉnh dần và làm cho người học nhận thức một cách sâu sắc rằng cùng lúc với việc học hệ thống tín hiệu ngôn ngữ mới cần học cả phong cách giao tiếp mới, do vậy cần có một chiến lược học tập phù hợp.

### **2.5. Một số cách thức giới thiệu kiến thức văn hóa xã hội trong giảng dạy ngoại ngữ**

Như vậy, trong việc giảng dạy ngoại ngữ, để hình thành năng lực văn hóa xã hội, giáo viên không chỉ tập trung vào việc giải thích kiến thức ngôn ngữ mà còn phải giới thiệu các kiến thức văn hóa xã hội được lựa chọn một cách có hệ thống, chính xác, phù hợp với lứa tuổi, cấp học, và phù hợp với trình độ ngoại ngữ của người học theo mức độ tăng dần, từ đơn giản sang phức tạp.

Cung cấp kiến thức văn hóa xã hội cho người học thông qua việc thực hành giao tiếp theo ngữ cảnh, với các chủ đề ngôn ngữ, đất nước học, văn hóa, xã hội học.

Ở giai đoạn đầu, có thể trình bày một số ngữ cảnh giao tiếp đơn giản, như: chào hỏi, làm quen, tuy nhiên cần lưu ý đến sự khác biệt văn hóa, khi ngôn ngữ tiếng Việt chỉ là: Xin chào, nhưng trong các ngôn ngữ khác câu chào có thể gắn với thời gian trong ngày như: Chào buổi sáng! (Good morning), Chào buổi tối! (Good evening)...

Ở các trình độ cao hơn, cấp độ khó hơn, cần sử dụng các ngữ cảnh phức tạp, cấp độ kiến thức văn hóa cao hơn như: đến cửa hàng để mua sắm, đặt phòng khách sạn, văn hóa ẩm thực, phong tục, tập quán...

Sử dụng thành ngữ, tục ngữ: Trong các bài học, có thể giới thiệu cho người học những thành ngữ, tục ngữ, cụm từ cố định về truyền thống, phong tục, về cuộc sống, tính cách và tình cảm của con người. Kho từ vựng về các thành ngữ, tục ngữ được tạo ra qua thời gian và phản ánh những nét đặc thù của cuộc sống, lịch sử và thể giới quan của con người tạo nên sự phong phú, giàu có của bất kỳ ngôn ngữ nào, qua đó giúp người học tiếp thu không chỉ kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ, mà còn học hỏi, cảm nhận đời sống văn hóa xã hội của một quốc gia khác [3]. Cần chọn lọc các ngữ liệu phù hợp với trình độ, tần suất sử dụng, và nội dung giáo dục.

Qua các bài học, rút ra được các sự tương đồng, cũng như khác biệt thú vị giữa các ngôn ngữ. Thí dụ: sự khác biệt về sắc thái tích cực và tiêu cực trong các thành ngữ sau: Khi ai đó gặp may mắn, người Mỹ có thể nói "You're such a lucky dog" / Bạn là một con chó may mắn, thể hiện thái độ tích cực. Trong khi đó thành ngữ tiếng Việt "Chó gặp phải ruồi" lại mang sắc thái mỉa mai, cho rằng sự may mắn đó là không xứng đáng. Sự khác biệt do vị trí của con vật trong hai nền văn hóa có sự phân biệt, khi người Mỹ rất yêu quý con chó, thậm chí coi như một thành viên trong gia đình, còn người Việt chỉ coi đó là vật nuôi thông thường, thậm chí còn so sánh với hình ảnh xấu xa, không sạch sẽ.

Trong quá trình giảng dạy cần giới thiệu các nghi thức giao tiếp ở các nước sử dụng ngôn ngữ được học và các đặc điểm khác biệt trong giao tiếp giữa các nền văn hóa, dựa trên các tài liệu chính thống, đảm bảo việc thực hành giao tiếp theo đúng quy tắc văn hóa bản địa. Người giáo viên cũng cần hướng dẫn người học tôn trọng sự khác biệt, độc đáo của mỗi nền văn hóa, linh hoạt tiếp thu và học hỏi các quy tắc tương tác chung.

Cho người học làm quen với các xung đột ngôn ngữ và văn hóa thông qua các tình huống giao tiếp, các câu chuyện cười, clip ngắn. Trong quá trình giảng dạy, giáo viên có thể lồng ghép vào đầu hoặc cuối giờ dạy một câu chuyện vui bằng ngoại ngữ, so sánh đối chiếu sang tiếng Việt, trong đó có các yếu tố tương đồng và khác biệt về văn hóa vừa giúp người học nhận thức được vai trò của văn hóa trong ngôn ngữ mình đang học vừa tạo hứng thú cho sinh viên.

Cho người học xem tranh về các hình ảnh đẹp, danh lam thắng cảnh biểu tượng của đất nước, món ăn dân tộc, lễ hội truyền thống, trang phục... sau đó yêu cầu miêu tả, nhận xét những điểm đặc sắc, đưa ra ý kiến thảo luận, dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

Giao chủ đề thuyết trình cho các nhóm, tìm hiểu các mặt khác nhau của văn hóa đất nước mình đang theo học ngôn ngữ như: du lịch, ẩm thực, danh lam thắng cảnh, lễ hội... Các nhóm sau đó trình bày, và nhận xét về bài làm của các nhóm khác. Mỗi buổi học sẽ cung cấp thêm các kiến thức thú vị về văn hóa xã hội, tạo sự hứng khởi học tập và thúc đẩy sự say mê khám phá của các sinh viên.

### 3. Kết luận

Tóm lại, văn hóa đóng một vai trò rất quan trọng trong quá trình dạy học ngoại ngữ, trong đó có tiếng Anh. Trong xu thế toàn cầu hóa mạnh mẽ, các giảng viên dạy ngoại ngữ cần phải tìm ra phương pháp và nội dung lồng ghép các yếu tố văn hóa và giao thoa văn hóa phù hợp, bởi lẽ đó vừa là yếu tố kích thích sự hứng khởi trong quá trình học ngoại ngữ vừa là tạo cơ hội cho sinh viên hiểu biết về văn hóa các nước trên thế giới.

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Brown, H.D (2007), *Principles of language learning and teaching (Nguyên tắc học và dạy ngôn ngữ)*, New York, Pearson Education.
- [2] Lado R. (1957, 2002), *Ngôn ngữ học qua các nền văn hóa (Linguistic across cultures)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [3] Nguyễn Quang (2001), *Một số vấn đề giao tiếp và giao tiếp văn hóa*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

## VAI TRÒ CỦA CHƯƠNG TRÌNH TẬP HUẤN...

Tiếp theo trang 100

### 3. Kết luận

Độ tin cậy của người đánh giá là mối quan tâm chính trong việc đánh giá kỹ năng nói vì không dễ để đạt được độ tin cậy trong đánh giá. Đào tạo người đánh giá được coi là một cách để đạt được độ tin cậy cao của người đánh giá, tuy nhiên, việc đào tạo người đánh giá có thể không phải lúc nào cũng mang lại kết quả tốt. Nghiên cứu này đã khám phá ảnh hưởng của đào tạo người đánh giá đến độ tin cậy của người đánh giá. Các phát hiện cho thấy rằng đào tạo người đánh giá là cần thiết vì nó thúc đẩy việc cung cấp kiến thức để nâng cao độ tin cậy của những người đánh giá. Nó cũng có chức năng tạo ra một nhóm để các giám khảo có thể chia sẻ những kinh nghiệm trong quá trình đánh giá bài thi nói, tăng tính nhất quán của người chấm bằng cách làm giảm xu hướng chủ quan trong khi chấm thi. Tuy nhiên, các chương trình đào tạo đánh giá ở Việt Nam còn chưa phổ biến, đặt ra nhu cầu về việc xây dựng những khóa đào tạo giám khảo đánh giá bài thi nói ở Việt Nam.

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Brown, H. (2004), *Language assessment: Principle and classroom practice, (Đánh giá ngôn ngữ: Nguyên tắc và thực hành lớp học)*, Pearson, New York.
- [2] Elder, C, Knoch, U., Barhuizen, G. and Von Randow, J. (2005), *Individual feedback to enhance rater training: Does it work? (Phản hồi cá nhân đối với việc đẩy mạnh đào tạo người đánh giá: Liệu việc đào tạo có tác dụng hay không?)*, *Language Assessment Quarterly*, 2(3), UK, 175-196.
- [3] Kang, O., Rubin, D., & Kermad, A. (2019), *The effect of training and rater differences on oral proficiency assessment (Ảnh hưởng của đào tạo và sự khác biệt của các đánh giá viên trong đánh giá năng lực nói)*, *Language Testing*, Sage Publication. 36(4), England, 481–504.
- [4] Lumley, T. (1998), *Perceptions of language – trained raters and occupational experts in a test of occupational English language proficiency (Nhận thức về ngôn ngữ - các đánh giá viên đã được đào tạo và các chuyên gia trong một kỳ thi về năng lực ngôn ngữ Anh chuyên nghiệp)*, *English for Specific Purpose*, 17, 347 – 367.
- [5] Nguyen, T.N.Q et all. (2020), *The effectiveness of VSTEP.3-5 speaking rating training (Hiệu quả của việc đào tạo đánh giá kỹ năng nói VSTEP.3-5)*, *Tạp chí nghiên cứu ngoại ngữ Đại học Quốc gia*, Vol.36, No.4, Vietnam, 99-112.
- [6] Shohamy, E. (1983), *Rater reliability of the oral interview speaking test (Độ tin cậy của đánh giá viên trong một bài kiểm tra phỏng vấn kỹ năng nói)*, *Foreign Language Annals*, 16(3). US, 219-222.
- [7] Wang, H. (2010), *Investigating the justifiability of an additional test use: An application of assessment use argument to an English as a foreign language test (Nghiên cứu khả năng điều chỉnh của việc sử dụng bài kiểm tra bổ sung: Một ứng dụng đánh giá tranh luận đối với một bài thi ngoại ngữ)*, *Luận án tiến sỹ*, University of California, Los Angeles.